**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**
**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HSST
Ngày: 28-11-2017

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Trương Minh Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Duy Tuân

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Đào Mai Anh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện A.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà*: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, Tòa án nhân dân huyện A mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 54/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 tại Hải Phòng; ĐKHKTT: Thôn S, xã C, huyện L, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Thôn B, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; con ông: Nguyễn Tiến L2, sinh năm 1945 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1945; có vợ là Hoàng Thị H1, sinh năm 1971 và có 02 con; Tiền án: Có 01 tiền án đã được xóa án; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt ngày 07 tháng 6 năm 2017, tạm giữ từ ngày 08 tháng 6 năm 2017, chuyển tạm giam từ ngày 16 tháng 6 năm 2017 đến nay; có mặt.

## NHẬN THẤY

*Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố về hành vi phạm tội như sau*: Khoảng 22 giờ ngày 07 tháng 6 năm 2017, Công an huyện A kết hợp Công an xã L1 tiến hành kiểm tra hành chính tại quán cà phê Wifi thuộc thôn B, xã L1, huyện A, Hải Phòng do Nguyễn Văn T làm chủ quán, phát hiện bắt quả tang Ngô Thị Linh N đang bán dâm cho Nguyễn Văn Tr tại phòng nghỉ thứ hai trong quán. Tang vật thu giữ gồm: 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Goldentime màu tím; 54 bao cao su nhãn hiệu Goldentime màu tím; 01 bao cao su nhãn hiệu VIP màu xám; 01 bao cao su nhãn hiệu OK màu cam; số tiền 1.320.000 đồng. Ngoài ra, Cơ quan Công an còn thu giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng trong thùng rác tại phòng nghỉ thứ nhất là của Nguyễn Thị Trường V vừa bán dâm cho Vũ Văn Q dưới sự điều hành của T. Cơ quan Công an đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa Nguyễn Văn T và các đối tượng liên quan cùng

vật chứng về trụ sở để giải quyết. Tại Cơ quan Công an N tự nguyện giao nộp 100.000 đồng, V tự nguyện giao nộp 300.000 đồng là số tiền N và V được T trả tiền bán dâm.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận: T là chủ quán cà phê Wifi thuộc thôn B, xã L1, huyện A, Hải Phòng. Do việc kinh doanh khó khăn nên đầu tháng 6 năm 2017, T bàn với nhân viên của quán là Ngô Thị Linh N và Nguyễn Thị Trường V về việc N và V sẽ bán dâm tại hai phòng nghỉ của quán để kiếm thêm thu nhập. Mỗi lần bán dâm, T thu của khách 200.000 đồng và chia cho N, V mỗi người 100.000 đồng/1 lần bán dâm, T hưởng 100.000 đồng. N và V đồng ý. Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 07 tháng 6 năm 2017, Vũ Văn Q cùng Nguyễn Hồng H1 đến quán của T uống nước. Tại đây, Q hỏi T "quán có gái không", T hiểu ý Q hỏi là có gái bán dâm không, nên T bảo có và thỏa thuận với Q giá 01 lần mua dâm là 200.000 đồng, Q đồng ý. T bố trí V bán dâm cho Q tại phòng nghỉ thứ nhất tính từ cửa quán vào. Sau khi mua bán dâm xong, Q và V đi ra quầy lễ tân ngồi, nhưng Q chưa trả tiền mua dâm cho T. Ngay lúc đó, Nguyễn Văn Tr đến mua dâm, T bảo N dẫn Tr xuống phòng nghỉ thứ hai của quán để bán dâm. Khi N và Tr đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì lực lượng Công an tiến hành kiểm tra bắt quả tang và thu giữ vật chứng như trên. Khi lực lượng Công an đến kiểm tra, H1 mới trả 30.000 đồng tiền nước cho T, Q và Tr chưa kịp trả tiền mua dâm. Ngoài ra, T khai nhận vào ngày 07 tháng 6 năm 2017 T đã chứa mại dâm 07 lần tại quán, cụ thể T bố trí cho N bán dâm 03 lần, V bán dâm 04 lần. T mới thu được tiền mua dâm của 05 khách với tổng số tiền là 1.000.000 đồng, chưa thu được tiền mua dâm của Q và của Tr. Trong đó, T đã trả cho N 100.000 đồng; trả cho V 300.000 đồng. Trong số tiền 1.320.000 đồng bị thu giữ, có 600.000 đồng là tiền T thu được từ việc chứa mại dâm, 720.000 đồng là tiền bán nước giải khát. Từ đầu tháng 6 năm 2017, T đã bố trí cho N và V bán dâm nhiều lần tại quán của T nhưng T không nhớ cụ thể là bao nhiêu lần.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố Nguyễn Văn T về tội: "*Chứa mại dâm*" theo Điểm c, Khoản 2, Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận: Năm 2016, bị cáo đã đến thuê nhà tại thôn B, xã L1 của ông Nguyễn Duy H3 để bán cà phê. Do việc kinh doanh cà phê gặp khó khăn nên từ đầu tháng 6 năm 2017 đến ngày 07 tháng 6 năm 2017, T đã thỏa thuận với nhân viên của quán là Ngô Thị Linh N và Nguyễn Thị Trường V về việc cho V, N bán dâm tại quán, mỗi lần có khách đến mua dâm T thu 200.000 đồng, gái bán dâm hưởng 100.000 đồng/lần bán dâm, T hưởng 100.000 đồng và có trách nhiệm lo ăn ở cho gái bán dâm, mỗi lần khách mua dâm xong, T đều thanh toán tiền luôn cho gái bán dâm. Ngày 07 tháng 6 năm 2017 là ngày đầu tiên T chứa mại dâm tại quán và T đã chứa mại dâm 03 lần thu được số tiền mua dâm 200.000 đồng chứ không phải T chứa mại dâm 07 lần thu được số tiền mua dâm 600.000 đồng như nội dung Cáo trạng truy tố.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng

nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Chứa mại dâm".

Áp dụng Điểm c, Khoản 2 và Khoản 5, Điều 254; Khoản 2, Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 đến 07 năm tù.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điểm a, Điểm c, Điểm đ, Khoản 2, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b, Khoản 1, Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tịch thu tiêu huỷ số bao cao su đã thu giữ trong vụ án. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (trong đó có 400.000 đồng tiền bán dâm do các gái bán dâm N, V giao nộp và 600.000 đồng bị cáo T thu được từ việc chứa mại dâm). Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 720.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

## XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên toà tuy không phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, căn cứ lời khai của người làm chứng Vũ Thị K, lời khai các gái bán dâm Ngô Thị Linh N và Nguyễn Thị Trường V, căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định:

Từ đầu tháng 6 năm 2017 đến ngày 07 tháng 6 năm 2017, tại quán cà phê Wifi thuộc thôn B, xã L1, huyện A, thành phố Hải Phòng, bị cáo Nguyễn Văn T đã lợi dụng việc kinh doanh quán cà phê, cho các đôi trai gái thực hiện việc mua bán dâm nhiều lần. Riêng ngày 07 tháng 6 năm 2017 bị cáo điều hành việc mua bán dâm 7 lần (Ngô Thị Linh N bán dâm 03 lần, Nguyễn Thị Trường V bán dâm 04 lần) để thu lời bất chính số tiền 600.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: "*Chứa mại dâm*" vi phạm Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh. Mại dâm là tệ nạn gây tác hại xấu về nhiều mặt trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, mại dâm còn là một trong những nguyên nhân gây nên căn bệnh nguy hiểm HIV/AIDS. Do vậy, phải xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- *Về tình tiết định khung hình phạt:* Như đã nêu ở trên, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng địa điểm quán cà phê do mình làm chủ chứa mại dâm nhiều lần. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt "*Phạm tội nhiều lần*" được quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo có 01 tiền án đã được xóa án nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự năm 1999.

- *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tuy tại cơ quan điều tra bị cáo khai báo thành khẩn nhưng tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn khai báo nên bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p, Khoản 1, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo có chú ruột là liệt sĩ, có bố đẻ tham gia kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến. Nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2, Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 254 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

*"1. Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm:*

...

*c) phạm tội nhiều lần".*

Theo Điểm c, Khoản 2, Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

"*1. Người nào chứa mại dâm thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến mười năm:*

...

*c) phạm tội 02 lần trở lên".*

Theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; Khoản 3, Điều 7 và điều khoản có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng mức hình phạt của Bộ luật Hình sự năm 2015 để áp dụng đối với bị cáo.

- *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng ly thân, trước khi bị bắt bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên chỉ phạt bị cáo 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- *Về vật chứng*: Đối với 58 bao cao su và 01 vỏ bao cao su không còn giá trị sử dụng và giá trị không lớn nên tịch thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền 400.000 đồng là tiền bán dâm do các gái bán dâm Nguyễn Thị Trường V và Ngô Thị Linh N giao nộp và số tiền 600.000 đồng bị cáo T thu được từ việc chứa mại dâm trong số tiền 1.320.000 đồng Công an thu giữ của bị

cáo là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền 720.000 đồng còn lại thuộc sở hữu của bị cáo T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo T nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Đối với Nguyễn Thị Trường V, Ngô Thị Linh N là người bán dâm, Nguyễn Văn Tr, Vũ Văn Q là người mua dâm, Công an huyện A đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thông báo cho chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục.

Đối với Vũ Thị K chỉ thỏa thuận với T về việc K làm nhiệm vụ dọn dẹp trong quán và hưởng lương hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hành vi chứa mại dâm T không bàn bạc với K, K cũng không được hưởng lợi từ việc chứa mại dâm nên không đủ căn cứ để xử lý đối với K.

Đối với ông Nguyễn Duy H3 là người đã cho bị cáo T thuê nhà nhưng không biết việc bị cáo chứa mại dâm tại nhà nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "*Chứa mại dâm*".

- Áp dụng Điểm c, Khoản 2 và Khoản 5, Điều 254; Khoản 2, Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999. Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH 14 của Quốc hội; Khoản 3, Điều 7; Điểm c, Khoản 2, Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo T tính từ ngày 07 tháng 6 năm 2017. Phạt tiền bị cáo T 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điểm a, Điểm c, Điểm đ, Khoản 2, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b, Khoản 1, Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Tịch thu tiêu hủy 58 bao cao su và 01 vỏ bao cao su.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (trong đó có 400.000 đồng tiền bán dâm do các gái bán dâm N, V giao nộp và 600.000 đồng bị cáo T thu được từ việc chứa mại dâm).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 720.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

*( Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương).*

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 6; Điểm a, Khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban

thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền phạt nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án DS huyện A;
- UBND xã, phường nơi cư trú của bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Minh Huế**